TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH THÁI NGUYÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/KDTM-PT
Ngày: 28/3/2025
V/ v: Tranh chấp Hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Quý Sửu

Các thẩm phán: Ông Hoàng Văn Giang và bà Nguyễn Thị Thuỷ

- Thư ký phiên tòa: Bà Lương Thị Thuý Linh, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên: Bà Nguyễn Minh Tâm, Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 3 năm 2025, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên, xét xử phúc thẩm công khai vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý số 02/2024/KDTM-PT ngày 01/02/2024, về việc tranh chấp Hợp đồng tín dụng

Do bản án Kinh doanh thương mại sơ thẩm số 03/2023/KDTM-ST ngày 29/9/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Phổ Yên có kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 70/2024/QĐ-PT ngày 25/3/2024; giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần Đ (S1)

Địa chỉ: Số A, đường T, phường L, quận H, thành phố Hà Nội.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Hải V và ông Đặng Duy S; chuyên viên xử lý nợ Ngân hàng thương mại cổ phần Đ; có mặt.

Bị đơn: Công ty TNHH S2;

Địa chỉ: TDP Đ, phường B, TP ., tỉnh Thái Nguyên.

Đại diện theo pháp luật: Ông Lê Võ T; Chức vụ: Giám đốc; vắng mặt

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1974; địa chỉ: Tổ dân phố C, phường B, thành phố P, tỉnh Thái Nguyên; vắng mặt

2. Bà Nguyễn Thị Y, sinh năm 1978; uỷ quyền cho ông Nguyễn Văn K, sinh năm 1947; địa chỉ: Thôn Đ, xã T, huyện S, thành phố Hà Nội; có mặt

3. Ông Nguyễn Tiến V1, sinh năm 1984; địa chỉ: Tổ dân phố T -N, phường Đ, thành phố P, tỉnh Thái Nguyên; vắng mặt.

4. Ông Nguyễn Văn T1, sinh năm 1971; địa chỉ: Tổ dân phố H, phường H, thành phố P, tỉnh Thái Nguyên; vắng mặt

5. Phòng Công chứng số 5 thành phố H; địa chỉ: Khu Đ, xã P, huyện S, thành phố Hà Nội; đại diện theo pháp luật: Ông Cao Mạnh C; Trưởng phòng C, có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần Đ (S1) trình bày:

Ngày 11/9/2019, Công ty TNHH S2 ký Hợp đồng tín dụng theo hạn mức số: 1924900228/HĐTDTHM với Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ (viết tắt là S1), Chi nhánh T3, nội dung chính như sau:

Hạn mức tín dụng tối đa: 2.000.000.000 đồng; Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh; Thời hạn hiệu lực của Hạn mức tín dụng 03 kỳ, mỗi kỳ kéo dài 12 tháng kể từ ngày ký Hợp đồng này. Thời hạn tối đa của mỗi khoản vay trong hạn mức tín dụng không quá 06 tháng; Lãi suất cho vay trong hạn: Được thỏa thuận cụ thể trong từng Giấy nhận nợ của mỗi lần giải ngân. Lãi suất cho vay được điều chỉnh theo thông báo của S1 trong từng thời kỳ; Lãi suất quá hạn: Bằng 150% lãi suất trong hạn và được áp dụng đối với dư nợ gốc quá hạn; và bằng 10%/năm và được áp dụng với dư nợ lãi chậm trả.

Thực hiện theo Hợp đồng tín dụng trên ngày 13/9/2019, S1 đã giải ngân cho Công ty TNHH S2 số tiền 1.540.000.000 đồng theo Khế ước nhận nợ số 1924900228/01 bằng hình thức chuyển khoản đến số tài khoản 05700016366868 của Công ty TNHH T4 theo uỷ nhiệm chi của Công ty TNHH S2.

Để đảm bảo cho khoản vay trên, bà Nguyễn Thị Y đã thế chấp cho S1 quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 29, tờ bản đồ số 01, diện tích 253m^2; địa chỉ: Thôn Đ, Xã T, Huyện S, Thành phố Hà Nội; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất do Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố H cấp ngày 03/8/2018 cho hộ ông Nguyễn Văn K, ngày 09/3/2019 tặng cho toàn bộ bà Nguyễn Thị Á, ngày 08/7/2019 tặng cho toàn bộ bà Nguyễn Thị Y. Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất được công chứng ngày 11/9/2019 tại Phòng C thành phố Hà Nội, được đăng ký giao dịch bảo đảm; ông Nguyễn Văn H đã thế chấp cho S1 quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 1949, tờ bản đồ số 10, diện tích 278m^2; địa chỉ: xã V, thị xã P (nay là Thành phố P), tỉnh Thái Nguyên theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T cấp ngày 12/6/2019 mang tên ông Nguyễn Văn H, S1 đã giải chấp tài sản theo đề xuất của ông H.

Quá trình thực hiện Hợp đồng tín dụng, đến ngày 28 tháng 01 năm 2022 Công ty TNHH S2 đã thanh toán được cho S1 số tiền 466.042.996 đồng, trong đó tiền gốc là 303.717.985 đồng, lãi trong hạn là 79.860.604 đồng, lãi quá hạn là

82.824.407 đồng. Sau đó Công ty TNHH S2 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và nợ lãi cho S1.

Tạm tính đến ngày 26/9/2023 Công ty TNHH S2 còn nợ S1 số tiền gốc là: 1.236.282.015 đồng, lãi quá hạn là 689.784.584 đồng; tổng cộng là: 1.926.066.599 đồng.

S1 đề nghị Tòa án các nội dung sau:

1. Buộc Công ty TNHH S2 phải có trách nhiệm thanh toán cho S1 khoản nợ theo Hợp đồng tín dụng trên tạm tính đến hết ngày 26/9/2023, tiền gốc là: 1.236.282.015 đồng, lãi quá hạn là 689.784.584 đồng; tổng cộng: 1.926.066.599 đồng.

Công ty TNHH S2 phải tiếp tục trả nợ cho S1 số tiền nợ lãi phát sinh theo lãi suất quy định tại các Hợp đồng tín dụng trên kể từ ngày 27/9/2023 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

2. Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật, nếu Công ty TNHH S2 không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ thanh toán các khoản tiền gốc, lãi phát sinh thì S1 được quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án tiến hành kê biên, bán/chuyển nhượng tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 29, tờ bản đồ số 01, diện tích 253m^2; địa chỉ: Thôn Đ, Xã T, Huyện S, Thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất do Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố H cấp ngày 03/8/2018 cho hộ ông Nguyễn Văn K (Ngày 09/3/2019, tặng cho toàn bộ bà Nguyễn Thị Á; ngày 08/7/2019 tặng cho toàn bộ bà Nguyễn Thị Y) để xử lý thu hồi nợ.

3. S1 rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với việc xử lý tài sản bảo đảm đã giải chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 1949; tờ bản đồ số 10; diện tích 278m^2; địa chỉ: Xã V, Thị xã P (nay là Thành phố P), tỉnh Thái Nguyên theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T cấp ngày 12/6/2019 cho ông Nguyễn Văn H.

4. Trong trường hợp số tiền phát mại/thu hồi từ tài sản bảo đảm vẫn không đủ trả nợ cho S1, thì Công ty TNHH S2 phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho S1 cho đến khi tất toán toàn bộ khoản nợ.

5. Buộc Công ty TNHH S2 phải trả cho S1 số tiền 10.000.000 đồng chi phí tố tụng.

Bị đơn Công ty TNHH S2 trình bày:

Công ty S3 có ký hợp đồng tín dụng với S1, nội dung thoả thuận và được giải ngân số tiền theo Uỷ nhiệm chi ngày 13/9/2019 là 1.540.000.000 đồng vào tài khoản của công ty TNHH T4 là đúng.

Lý do Công ty S2 ký hợp đồng tín dụng với S1 là do ông T1, Giám đốc Công ty Trình Nhường nhờ ông làm thủ tục vay để đáo hạn hộ ông T1. Tuy nhiên, về mặt pháp lý Công ty S2 có trách nhiệm trả nợ cho ngân hàng như Ngân hàng yêu cầu: Tính đến ngày 26/9/2023 Công ty TNHH S2 còn nợ S1: Tiền gốc

là: 1.236.282.015 đồng, lãi quá hạn là 689.784.584 đồng; tổng cộng là: 1.926.066.599 đồng.

Về tài sản thế chấp, đến khi làm việc với Toà án, bị đơn mới được biết trong hồ sơ thể hiện có hai tài sản thế chấp của ông H và của bà Y. Giữa ông và bà Y, hay ông H không có quan hệ quen biết hay làm ăn gì. Trong hồ sơ vay vốn giữa Công ty S2 và S1 thể hiện có Quyết định phân công bà Y làm kế toán của Công ty S2 do ông ký. Ông không biết giấy tờ đó do ai làm và cung cấp cho Ngân hàng, nhưng dấu và chữ ký đúng là của ông. Bên cạnh đó có việc chị Y thế chấp tài sản là thửa đất nêu trên để đảm bảo khoản vay cho công ty ông không biết. Ngân hàng đề nghị phát mại tài sản của chị Y nếu Công ty S2 không trả được nợ cho Ngân hàng, ông không có ý kiến gì, đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Y, đại diện theo uỷ quyền ông K trình bày:

Vào năm 2019, gia đình ông K có nhu cầu vay vốn để chăn nuôi, do quen biết với anh Nguyễn Tiến V1 ở xã Đ, anh V1 có nói với ông K là nhân viên ngân hàng, sau đó anh V1 dẫn ông K đến văn phòng C1 thành phố Hà Nội để hỏi thủ tục làm hồ sơ vay vốn. Do ông đã hết tuổi lao động nên Phòng công chứng hướng dẫn ông muốn vay vốn thì phải có tài sản thế chấp và bảo ông làm hợp đồng tặng cho con thửa đất. Ông K đã làm thủ tục tặng cho quyền sử dụng đất cho chị Nguyễn Thị Á đối với thửa đất nêu trên. Do chị Á có nợ xấu, không vay được, nên ông K đã tiếp tục tặng cho chị Y thửa đất nêu trên và được Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện S đăng ký biến động quyền sử dụng đất ngày 08/7/2019. Sau khi làm xong thủ tục tặng cho chị Y thửa đất, ông K đưa toàn bộ hồ sơ cho anh V1 để anh V1 làm thủ tục vay tiền cho gia đình ông. Sau đó không thấy anh V1 đưa tiền hay báo cho gia đình đến ngân hàng để lấy tiền. Thời gian đó ông cũng có vay của anh V1 300.000.000 đồng để lo việc riêng của gia đình, sau đó gia đình ông đã phải bán đất đi để trả cho anh V1. Ông K đã đi tìm gặp anh V1 nhiều lần yêu cầu trả lại bìa đỏ cho gia đình ông nhưng không gặp được anh V1, gia đình ông cũng không biết giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của gia đình hiện đang ở đâu, cho đến khi nhận được thông báo thụ lý vụ án của Toà án, gia đình ông mới biết giấy chứng nhận quyền sử đụng đất được thế chấp cho khoản vay của Công ty S2.

Quan điểm của ông K và chị Y là: Công ty TNHH S2 phải có trách nhiệm trả nợ cho ngân hàng. Trong trường hợp nếu công ty TNHH S2 không trả được nợ cho Ngân hàng, gia đình ông không đồng ý để Ngân hàng xử lý tài sản thế chấp của chị Y, đề nghị tuyên bố hợp đồng thế chấp tài sản giữa chị Y với S1 vô hiệu, đề nghị Ngân hàng trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên cho chị Y.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Tiến V1 trình bày:

Năm 2019 trong quá trình đi tìm kiếm khách hàng để bán cám, anh có biết gia đình ông K có nhu cầu chăn nuôi nhưng không có vốn, phải đi vay ngoài với lãi suất cao. Sau đó anh được ông K nhờ tìm cách vay vốn Ngân hàng để

giải quyết khó khăn. Anh có nhận lời nhưng không tìm được người giúp đỡ do không có mối quan hệ ở các ngân hàng S và khi đó chị Y là người đứng tên bìa đỏ không đủ điều kiện vay vốn. Do có sự giúp đỡ và tư vấn của ông T1, anh đã đưa hồ sơ, nhờ ông T1 đưa tài sản vào một công ty đứng vay. Quá trình vay tiền thế nào giữa các bên anh không biết, không được tham gia. Anh V1 đưa bìa đỏ cho anh T1 và cán bộ ngân hàng xuống thẩm định nhà ông K (chỗ chị Y ở). Trong quá trình lấy bìa đỏ về ông K có vay anh số tiền 300.000.000 đồng và thống nhất sau khi giải ngân sẽ chuyển trả lại cho anh, nhưng cho đến nay anh vẫn chưa nhận được số tiền này.

Nay ngân hàng khởi kiện công ty S2 yêu cầu trả khoản nợ trên, anh không liên quan đến việc vay nợ và không có trách nhiệm gì đến khoản nợ của công ty, chỉ là người giới thiệu cho ông K vay vốn. Việc ông K thế chấp tài sản thế nào anh không biết, sau khi ông K tặng cho quyền sử dụng đất cho chị Á, lúc đó chị Á cũng đang có nợ xấu, nên anh đã trả lại toàn bộ hồ sơ cho ông K. Đối với số tiền ông K vay anh, anh sẽ tự giải quyết với ông K, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Ông Nguyễn Văn T1 trình bày:

Vào tháng 9 năm 2019, ông có quen biết ông Võ T và được biết ông T là đại diện pháp luật của công ty S2, chưa vay ở Ngân hàng Đ. Ông có giới thiệu cho anh Nguyễn Tiến V1 là đại lý cám cấp 2 của ông lên nhờ anh T gửi tài sản vào công ty S2, còn việc ông T và anh V1 đưa tài sản của ai, vay được bao nhiêu tiền và ký kết thế nào ông không biết. Ngày 20/8/2020, Công ty T4 do ông làm đại diện nhận được số tiền là 1.550.145.500 đồng. Nội dung trả tiền mua cám và ông với ông V1 đã trừ đúng số tiền hàng như công ty T4 đã viết trên hoá đơn.

Phòng C thành phố Hà Nội trình bày:

Toàn bộ hồ sơ hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 2154/HĐTC/2019 Quyển số 01/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 11/9/2019 đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật. Hồ sơ lưu trữ tại Phòng công chứng gồm: Phiếu yêu cầu công chứng; Chứng minh thư nhân dân của bà Nguyễn Thị Y; sổ hộ khẩu của bà Nguyễn Thị Y; giấy xác nhận tình trạng hôn nhân của bà Y; Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất số 147/2019/HĐTC; giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4601345711; văn bản thoả thuận về giá 11/9/2019; hợp đồng tín dụng số 1924900228/HĐTDTHN; một bản chính hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất ngày 11/9/2019 có đủ chữ ký của các bên tham gia giao kết hợp đồng và được công chứng viên Phòng C thành phố Hà Nội chứng nhận. Việc chứng nhận Hợp đồng nêu trên của Công chứng viên là đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại bản án Kinh doanh thương mại sơ thẩm số 03/2023/KDTM-ST ngày 29/9/2023 Tòa án nhân dân thành phố Phổ Yên đã quyết định:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Đ đối với bị đơn Công ty TNHH S2 về việc yêu cầu trả nợ số tiền gốc, lãi quá hạn.

Buộc Công ty TNHH S2 có trách nhiệm trả cho Ngân hàng TMCP Đ số tiền nợ gốc, lãi quá hạn theo hợp đồng tín dụng số 1924900228/HĐTDTHM 11/9/2019 tính đến ngày 26/9/2023 là: 1.926.066.599 đồng. Trong đó nợ gốc là: 1.236.282.051 đồng, lãi quá hạn là 689.784.584 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo 27/9/2023, Công Ty S2 còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền chưa thanh toán, theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thoả thuận điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Toà án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay cho đến khi thực hiện xong toàn bộ nghĩa vụ đối với SeABank

2. Không chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng TMCP Đ về việc tiếp tục thực hiện duy trì hợp đồng thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất được ký kết giữa Ngân hàng TMCP Đ với bà Nguyễn Thị Y.

Tuyên bố hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 1924900228/HĐTC/02 ký kết vào ngày 11/9/2019 giữa bà Nguyễn Thị Y và Ngân hàng TMCP Đ đối với quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 29; tờ bản đồ số 01; diện tích 253m^2; địa chỉ: Thôn Đ, Xã T, Huyện S, Thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố H cấp ngày 03/8/2018 cho hộ ông Nguyễn Văn K (Ngày 09/3/2019, tặng cho toàn bộ bà Nguyễn Thị Á; ngày 08/7/2019 tặng cho toàn bộ bà Nguyễn Thị Y) vô hiệu.

Buộc Ngân hàng TMCP Đ trả cho bà Nguyễn Thị Y giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CO 312426 số vào Sổ cấp GCN: CS-SS 08927 do Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố H cấp ngày 03/8/2018 cho hộ ông Nguyễn Văn K (bản gốc).

3. Đình chỉ phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Đ đối với việc xử lý tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa số 1949; tờ bản đồ số 10; diện tích 278m^2; địa chỉ: Xã V, Thị xã P (nay là Thành phố P), Tỉnh Thái Nguyên theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T cấp ngày 12/6/2019 cho ông Nguyễn Văn H.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 10/10/2023, S1 có đơn kháng cáo một phần bản án. Nội dung kháng cáo nguyên đơn không nhất trí với quyết định của bản án sơ thẩm tuyên hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất ngày 11/9/2019, giữa bà Nguyễn Thị Y và Ngân hàng TMCP Đ đối thửa đất số 29, tờ bản đồ số 01, diện tích 253m^2 và tài sản gắn liền với đất tại thôn Đ, Xã T, Huyện S, Thành phố Hà Nội vô hiệu, buộc Ngân hàng TMCP Đ phải trả lại cho bà Nguyễn Thị Y bản gốc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. ; đề nghị Toà án buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn S2 có trách nhiệm trả cho S1 số tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ 10.000.000 đồng.

Tại phiên toà phúc thẩm ngày 20/5/2024:

Nguyên đơn giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo và nội dung trình bày tại Toà án cấp sơ thẩm như nêu trên. Đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án, công nhận hợp đồng thế chấp giữa bà Nguyễn Thị Y với S1 có hiệu lực, S1 có quyền yêu cầu phát mại tài sản thế chấp để đảm bảo thi hành án.

Đại diện theo uỷ quyền của chị Nguyễn Thị Y cho rằng: Trong hồ sơ vay vốn Ngân hàng của Công ty TNHH S2 thể hiện có quyết định bổ nhiệm chị Y làm Kế toán trưởng, các Bảng cân đối kế toán, cân đối tài khoản, hàng tồn kho trong các năm 2017, 2018, 2019 của Công ty TNHH S3 có chữ ký của Kế toán trưởng là chị Nguyễn Thị Y. Tuy nhiên, từ năm 2017 đến nay chị Y làm công nhân tại Công ty gỗ xuất khẩu, chị Y mới học hết lớp 3. Vì vậy hồ sơ vay vốn ngân hàng của Công ty là giả mạo. Cán bộ Ngân hàng đã bắt tay với Công ty lừa đảo chiếm đoạt tài sản của gia đình ông, đề nghị Toà án chuyển hồ sơ, tài liệu đến Công an thành phố P để điều tra, xử lý. Hội đồng xét xử đã quyết định ngừng phiên toà, chuyển tài liệu liên quan đến Công an thành phố P.

Tại Biên bản xác minh của Toà án cấp phúc thẩm ngày 24/02/2025, Công an thành phố P cung cấp như sau: Ngày 19/6/2024, Công an thành phố P nhận được văn bản số 590/2024/TATN-KDTM ngày 17/6/2024 của Toà án nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc chuyển tài liệu để xem xét theo quy định. Công an thành phố P đã tiếp nhận đơn, giao cho Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về Kinh tế, Ma tuý xử lý theo quy định. Đến nay chưa đủ căn cứ để khởi tố hay không khởi tố vụ án hình sự theo nội dung tố cáo của ông K.

Tại phiên toà hôm nay, nguyên đơn giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử Tạm đình chỉ giải quyết vụ án, chờ kết quả giải quyết đơn tố cáo của ông Nguyễn Văn K.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên phát biểu quan điểm: Thẩm phán chủ tọa, Hội đồng xét xử, nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Nguyên đơn Ngân hàng TMCP Đ kháng cáo trong hạn luật định, đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm hợp lệ được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Tại phiên toà phúc thẩm, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có kháng cáo, được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt. Căn cứ Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

[3] Về yêu cầu tạm đình chỉ giải quyết vụ án của nguyên đơn: Tại phiên toà ngày 20/5/2024, Hội đồng xét xử đã quyết định ngừng phiên toà, chuyển tài liệu liên quan đến Công an thành phố P. Ngày 19/6/2024, Công an thành phố P nhận được văn bản số 590/2024/TATN-KDTM ngày 17/6/2024 của Toà án nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc chuyển tài liệu để xem xét theo quy định. Công an thành phố P đã tiếp nhận đơn, giao cho Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về Kinh tế, Ma tuý xử lý theo quy định. Đến nay chưa đủ căn cứ để khởi tố hay không khởi tố vụ án hình sự theo nội dung tố cáo của ông K.

Theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng hình sự về thời hạn giải quyết tố giác tin báo về tội phạm, thời hạn giải quyết tố giác tin báo về tội phạm không quá 04 tháng kể từ ngày nhận được tố giác, tin báo về tội phạm. Vì vậy, Toà án quyết định tiếp tục giải quyết vụ án, không chấp nhận đề nghị tạm đình chỉ giải quyết vụ án của nguyên đơn.

Về nội dung:

Xét nội dung kháng cáo của nguyên đơn về yêu cầu phát mại tài sản bảo đảm theo hợp đồng thế chấp để thực hiện nghĩa vụ cho Công ty TNHH S2 thấy:

[4] Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 29, tờ bản đồ số 01, diện tích 253m^2, địa chỉ: thôn Đ, Xã T, Huyện S, Thành phố Hà Nội, giữa chị Nguyễn Thị Y với Ngân hàng được Phòng C thành phố Hà Nội công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định.

[5] Các đương sự đều thừa nhận, giữa chị Y với ông T là Giám đốc Công ty S2 và ông T1 Giám đốc Công ty T4 là Công ty ký hợp đồng tín dụng với Ngân hàng và nhận được số tiền Ngân hàng giải ngân đều không có mối quan hệ quen biết, không có sự thoả thuận về việc chị Y dùng tài sản của mình thế chấp cho Ngân hàng để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ cho Công ty S2 và thực tế gia đình chị Y, ông K cũng không được hưởng lợi gì từ việc ký hợp đồng thế chấp tài sản này.

[6] Gia đình ông K làm thủ tục tặng cho quyền sử dụng đất cho chị Á, sau đó tặng cho chị Y mục đích để thế chấp vay vốn Ngân hàng. Việc đưa giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bản gốc đã được đăng ký biến động mang tên chị Nguyễn Thị Y cho anh V1, mục đích nhờ anh V1 làm thủ tục vay tiền Ngân hàng. Tuy nhiên, ông T1 đã nhờ Công ty S2 đứng tên ký hợp đồng tín dụng với Ngân hàng và thực tế đã được Ngân hàng giải ngân cho Công ty T4. Công ty TNHH S2 đã quyết định bổ nhiệm chị Y làm Kế toán trưởng của Công ty, chị Y ký các Báo cáo tài chính, báo cáo hàng tồn kho là không đúng sự thật, nhằm hợp thức hoá hồ sơ để vay vốn Ngân hàng.

[7] Tại Hợp đồng thế chấp tài sản giữa chị Y với S1, thành phần chỉ có chị Y và đại diện Ngân hàng là ông T2, nhưng phần cuối các trang của hợp đồng lại có 05 chữ ký, nhưng Ngân hàng không xác định được những chữ ký đó là của ai, ở đâu. Theo xác minh và cung cấp của Phòng C, khi ký hợp đồng, xác định chỉ có mặt ông T2 và bà Y. Như vậy, phía Ngân hàng, Phòng công chứng không chứng minh được những người trực tiếp thoả thuận khi ký Hợp đồng thế chấp tài

sản là những ai, cam kết, thoả thuận nội dung gì liên quan đến quyền và nghĩa vụ của các bên khi ký Hợp đồng thế chấp tài sản.

[8] Từ sự phân tích nêu trên thấy rằng, việc chị Y ký kết hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất với Ngân hàng để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ cho Công ty S2 không thể hiện đúng ý chí của chị Y.

Toà án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu phát mại tài sản thế chấp của nguyên đơn và xác định hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất giữa chị Nguyễn Thị Y với S1 vô hiệu là có căn cứ.

[9] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử thấy không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Đ; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[10] Về án phí kinh doanh thương phại phúc thẩm: Đương sự kháng cáo không được chấp nhận phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị, Hội đồng xét xử không xem xét và có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bởi các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Đ; Giữ nguyên bản án Kinh doanh thương mại sơ thẩm số 03/2023/KDTM-ST ngày 29/9/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên.

2. Án phí phúc thẩm: Ngân hàng TMCP Đ phải chịu 2.000.000 án phí Kinh doanh thương mại phúc thẩm, được trừ vào 2.000.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai thu số 0001313 ngày 19/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị, Hội đồng xét xử không xem xét và có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- TAND thành phố Phổ Yên;
- Chi cục THADS TP. Phổ Yên;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Hoàng Quý Sửu